

QUAN HỆ KINH TẾ VIỆT NAM - HOA KỲ VÀ VIỆC GIA NHẬP WTO CỦA VIỆT NAM

Nguyễn Thúy Quỳnh
Viện Nghiên cứu Châu Mỹ

Ngày 14/7/2000 tại Washington, Việt Nam và Hoa Kỳ đã ký Hiệp định thương mại song phương Việt - Mỹ (BTA). Từ đó đến nay, quan hệ kinh tế giữa hai nước đã phát triển rất nhanh chóng. Năm 2000 Việt Nam xuất 821 triệu USD sang Mỹ và nhập 367 triệu USD, và năm 2005 Việt Nam đã xuất 6522 triệu USD và nhập 1151 triệu USD từ Mỹ.

Sau khi hai nước ký bình thường hoá quan hệ cũng là lúc Việt Nam bắt đầu nộp đơn xin gia nhập Tổ chức thương mại Thế giới WTO. Quan hệ kinh tế Việt - Mỹ thông qua Hiệp định thương mại song phương đã tạo những điều kiện tích cực cho việc Việt Nam xúc tiến quá trình gia nhập WTO. Từ đó đến nay, Việt Nam đã tham gia các vòng đàm phán đa phương và song phương. Từ tháng 1/2002, Việt Nam tiến hành đàm phán song phương về mở cửa thị trường hàng hoá và dịch vụ với các nước quan tâm tới thị trường Việt Nam. Để đẩy nhanh tiến trình gia nhập WTO, Việt Nam đã thiết lập quan hệ thương mại với hơn 160 nước và vùng lãnh thổ, ký 86 hiệp định thương mại, 46 hiệp định hợp tác đầu tư và 40 hiệp định chống đánh thuế hai lần, thu hút đầu tư trực tiếp của các tập đoàn và công ty từ 70 nước và vùng lãnh thổ. Việt Nam là thành viên của nhiều tổ chức hợp tác khu vực và thế giới.

Về phía Việt Nam trong những năm qua, Chính phủ đã ra sức chuẩn bị các tiền đề cần thiết cho việc gia nhập WTO. Và trong năm 2004, công tác thực hiện

lộ trình gia nhập WTO đã được đẩy mạnh. Chính phủ đã ban hành các quy định về quy hoạch phát triển các Vùng kinh tế trọng điểm; các Bộ, các ngành, Tổng công ty đã thông qua chiến lược phát triển ngành điện, xi măng, giấy, hàng không... tới năm 2010.

Bước sang năm 2005 Việt Nam đã đẩy nhanh tốc độ đàm phán gia nhập WTO và đạt được nhiều tiến bộ. Tháng 6/2005, cùng với việc tạo bước tiến mới quan trọng trong đàm phán với Hoa Kỳ, Việt Nam cũng đã kết thúc đàm phán với Nhật Bản, Hàn Quốc, Canada và khoảng cách đàm phán song phương với đại bộ phận các đối tác còn lại cũng được thu hẹp đáng kể, tạo tiền đề để Việt Nam thúc đẩy quá trình đàm phán gia nhập WTO trong thời gian sau đó.

Tuy nhiên việc kết thúc đàm phán song phương với Hoa Kỳ được coi là vấn đề quyết định trong việc gia nhập WTO của Việt Nam.

Vào các ngày 13-16/6/2005, đoàn đàm phán Việt Nam cùng đoàn đàm phán Hoa Kỳ tiến hành vòng đàm phán song phương thứ 8 giữa hai nước về việc Việt Nam gia nhập WTO. Sau 4 ngày làm việc với khoảng 10 phiên đàm phán, hai bên đã đạt được nhiều tiến bộ thực chất trên mọi phương diện về mở cửa thị trường cũng như thảo luận các nội dung đa phương khác. Hơn nữa các bước tiến tại phiên đàm phán này cũng phù hợp với xu thế phát triển chung của hai nước, nhất là trong quan hệ kinh tế - thương mại. Lĩnh vực hàng hoá dịch vụ và thuế được đánh giá là

tiến triển khá thuận lợi, còn về một số ngành như công nghệ hàng không dân dụng, gỗ được đánh giá là có những cải tiến đáng kể. Lặn đàm phán này cũng đã giành được sự ủng hộ mạnh mẽ của các doanh nghiệp của Mỹ và Việt Nam. Tại phiên đàm phán thứ 8 Việt Nam cam kết tuân thủ một loạt các quy định, nghĩa vụ của WTO. Đầu tiên là nghĩa vụ MFN (Quy chế tối huệ quốc, không phân biệt đối xử), Việt Nam xác nhận sẽ tuân thủ nguyên tắc MFN sau khi gia nhập đối với cả thương mại hàng hoá và thương mại dịch vụ. Trong phiên họp này, Việt Nam dường như đã có những bước đi đột phá, chỉ riêng ở nhóm dịch vụ, Việt Nam đã cho phép mở cửa 10 nhóm và gần 100 mặt hàng. Ngoài ra hàng rào thuế quan đối với hàng hoá cũng có bước nhả vọt như bỏ trợ cấp xuất khẩu đối với cà phê, hạ mức thuế quan nói chung tới mức các đối tác có thể chấp nhận được. Điều này càng được khẳng định trong chuyến thăm Mỹ của Thủ tướng Phan Văn Khải vào tháng 6/2005. Trong chuyến thăm này, Tổng thống Bush đã hứa ủng hộ mạnh mẽ việc Việt Nam gia nhập WTO và nhất trí tích cực đàm phán để sớm ký kết hiệp định song phương về vấn đề này.

Cùng thời gian đó, ngày 28/07/2005 Chính phủ Việt Nam và Mỹ đã nhất trí gia hạn Hiệp định về thương mại hàng dệt và các sản phẩm hàng dệt từ bông, len, sợi nhân tạo sợi thực vật ngoài bông và tơ tằm cho giai đoạn từ ngày 01/01 đến 31/12/2005. Theo bản gia hạn hiệp định này, Mỹ chấp nhận đề nghị của Việt Nam về việc tăng mức hạn ngạch của năm 2004 bằng mức tối đa cho phép theo các điều khoản về vay trước đây của hiệp định. Hiệp định này có hiệu lực từ ngày 1/1 đến 31/12/2005, trừ khi Việt Nam trở thành thành viên của WTO mà theo đó Mỹ sẽ áp dụng các quy chế của Hiệp định thành lập WTO cho Việt Nam.

Nhờ có hiệp định này, việc gia hạn đơn giá xuất khẩu hàng dệt may sang Mỹ ngày càng nhiều, các khách hàng lớn của Mỹ vẫn chọn thị trường Việt Nam là thị trường hàng chiến lược.

Tính đến năm 2005, dệt may vẫn là nhóm hàng chiếm tỷ trọng lớn trong tổng giá trị xuất khẩu hàng dệt may sang Mỹ, với khoảng 2,74 tỷ USD/năm. Sản phẩm dệt may của Việt Nam ngày càng thu hút được sự chú ý của các nhà nhập khẩu Mỹ. Theo nhận định của Ủy ban thương mại Mỹ, hàng dệt may của Việt Nam có thể cạnh tranh được với Trung Quốc, nước đứng đầu trong xuất khẩu hàng dệt may sang Mỹ của Châu Á. Tuy nhiên trong năm 2005 hàng dệt may Việt Nam vẫn phải chịu sức ép rất lớn về hạn ngạch trong khi đó các đối thủ cạnh tranh khác đặc biệt là Trung Quốc lại được phép xuất khẩu không hạn chế vào thị trường Mỹ.

Năm 2006 hàng dệt may Việt Nam xuất khẩu sang Mỹ đã có sự tăng đột biến. Tháng 1/2006 xuất khẩu hàng dệt may sang Mỹ đạt 152 triệu USD, đến đầu tháng 2 đã tăng lên 170 triệu USD, tăng 65% so với cùng kỳ năm ngoái.

Theo dự kiến, Việt Nam sẽ kết thúc các phiên đàm phán và gia nhập WTO vào cuối năm 2005, nhưng điều này không thực hiện được bởi Việt Nam đã không hoàn thành được thỏa thuận song phương với Mỹ theo kế hoạch. Vì vậy bước sang năm 2006 Việt Nam đã gấp rút để kết thúc các vòng đàm phán song phương và đa phương, đặc biệt là kết thúc đàm phán song phương với Mỹ để đưa đến sự thỏa thuận chung cho hai bên. Việt Nam cũng mong Hoa Kỳ có cái nhìn thực tế, cũng như có những nhân nhượng với Việt Nam, bởi Việt Nam là nước đang phát triển với trình độ còn thấp và đang trong quá trình chuyển đổi.

Ngày 25/03/2006, tại Geneva (Thụy Sĩ) Việt Nam và Mỹ đã chính thức bước vào vòng đàm phán mới về việc Việt

Nam gia nhập WTO. Sau vòng đàm phán này, 20 nghiệp đoàn và liên minh thương mại lớn nhất nước Mỹ đã gửi thư cho Đại diện Thương mại Mỹ Rob. Portman với nội dung thúc giục Chính quyền Mỹ sớm kết thúc đàm phán với Việt Nam và tránh gây cản trở không cần thiết.

Tuy nhiên, trong quá trình đàm phán, Việt Nam và Mỹ gặp một số vấn đề tranh cãi, như việc chống bán phá giá cá Tra, cá Basa, tôm vào thị trường Mỹ. Hàng thủy sản của Việt Nam nhập khẩu vào Mỹ vẫn bị những trở ngại của hàng rào hạn ngạch và bị đối xử không công bằng, thậm chí còn mang tính chất phi lí trong vụ kiện “bán phá giá” cá Basa sau đó là tôm đông lạnh.

Về các vấn đề này, dường như Mỹ đã đi ngược lại nguyên tắc “tự do hoá thương mại” và “buôn bán bình đẳng” mà Mỹ đã đề xướng. Trong vụ kiện chống cá Basa của Việt Nam, Mỹ đã bất chấp mọi dư luận và vẫn giữ nguyên chủ trương bảo hộ của mình, gây thiệt hại cho người nuôi trồng và các doanh nghiệp Việt Nam, tạo rào cản trong trao đổi thương mại.

Ngày 17/01/2003, Chính quyền Mỹ lại đưa ra đạo luật H.R 5378 về cấm xuất khẩu tôm đông lạnh của Việt Nam và một số nước khác sang thị trường Mỹ và kèm theo biện pháp trừng phạt đối với các nước vi phạm luật cấm này. Những vấn đề này gây nên sự lo lắng và thách thức với các doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam trước một hiệp định mà họ trông đợi khá lâu. Tuy nhiên, điều này không chỉ là vấn đề của Việt Nam mà còn là vấn đề của một số nước khác như Ấn Độ, Thái Lan... Năm 2004, doanh nghiệp Việt Nam xuất khẩu tôm sang thị trường Mỹ phải chịu mức thuế bán “phá giá” trung bình 4,57%, Thái Lan 6,82% và Ấn Độ là 15,6%.

Từ ngày 1/3/2005, theo quy định của Hải quan Mỹ, các doanh nghiệp nhập khẩu tôm từ các nước chịu thuế “chống

bán phá giá” (trong đó có Việt Nam), ngoài thuế chống bán phá giá còn phải kí quỹ một khoản tiền bằng với mức thuế đang nộp. Để tránh rủi ro, các nhà nhập khẩu tôm của Mỹ yêu cầu nhà xuất khẩu phải đóng khoản tiền này. Đến tháng 3, có 27 nhà nhập khẩu là thành viên Hiệp hội thủy sản Mỹ (NFI) đã gửi đơn kiện Hải quan Mỹ về tính pháp lý của quy định ký quỹ liên tục 100%. Theo quy định này, Hải quan Mỹ đã thu thuế hai lần đối với tôm nhập khẩu từ các nước chống bán phá giá là trái với quy định và yêu cầu ngừng kí quỹ 100% đối với tôm nhập khẩu vào Mỹ.

Do vậy, vấn đề bán phá giá tôm đã bớt gay gắt hơn không chỉ đối với Việt Nam mà còn đối với nhiều nước khác. Cũng trong tháng 3, Bộ Thương mại Mỹ (DOC) vừa tuyên bố sẽ thay đổi phương pháp tính toán biên phá giá mà điểm mấu chốt là nguyên tắc “triệt tiêu”. Việc bỏ nguyên tắc này trong việc chống bán phá giá sẽ giúp các nước xuất khẩu vào thị trường Mỹ tránh được nhiều vụ kiện chống bán phá giá vô lý. Trên thực tế Bộ Thương mại Mỹ cũng đã thừa nhận việc áp dụng nguyên tắc “triệt tiêu” này là sai và điều đó đã giúp cho quá trình xem xét lại thuế chống bán phá giá. Điều này thực sự là một tin vui với Việt Nam bởi trong 21 vụ kiện bán phá giá của nước ngoài với Việt Nam thì hơn một nửa là các vụ kiện do phía Mỹ tiến hành.

Đến ngày 3/4/2006, Bộ Thương mại Mỹ cũng bắt đầu xem lại mức thuế tôm đối với tôm nhập khẩu từ 6 nước gồm: Thái Lan, Ấn Độ, Trung Quốc, Brazil, Ecuador và Việt Nam. Nguyên nhân của việc xem xét lại này chính là vì các nước này đã nộp đơn xin xét lại mức thuế. Hơn nữa Bộ Thương mại Thái Lan đã chính thức gửi đơn kiện lên Tổ chức thương mại Thế giới (WTO) về việc Mỹ đã thực hiện chính sách thương mại bất bình đẳng đối với tôm xuất khẩu của Thái Lan và quy định kí quỹ đặt

cọc 100% giá trị hàng hoá. Theo đó Hiệp hội xuất khẩu thuỷ sản Ấn Độ cũng nộp đơn kiện tính bất hợp pháp của quy định này lên WTO. Vì vậy đây lại là diễn biến tích cực và có lợi cho việc xuất khẩu tôm của Việt Nam.

Như vậy, sau khi Hiệp định thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ có hiệu lực, quan hệ thương mại giữa hai nước tăng lên nhanh chóng. Theo hiệp định này, Mỹ dành cho Việt Nam quy chế quan hệ thương mại bình thường (NTR) tạm thời, trước đây là quy chế ưu đãi tối huệ quốc (MFN), nhờ đó sẽ làm giảm đáng kể thuế quan của Mỹ đối với hầu hết hàng hoá xuất khẩu của Việt Nam vào Mỹ từ 40% xuống 30%. Tất nhiên để đạt được điều này Việt Nam cũng phải chấp nhận mở cửa hơn nữa thị trường của mình như: dành cho hàng hoá xuất khẩu của Mỹ vào Việt Nam mức thuế ưu đãi tương tự, giảm bớt hàng rào thuế quan với các ngành dịch vụ Mỹ bao gồm dịch vụ ngân hàng và bưu chính viễn thông... Hoa Kỳ hiện đã trở thành thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam và Hoa Kỳ từng lọt vào danh sách 10 nhà đầu tư trực tiếp lớn nhất vào Việt Nam. Hiện nay nhiều doanh nghiệp lớn của Mỹ đang tìm kiếm cơ hội đầu tư vào Việt Nam, điển hình là công ty Intel của Mỹ đã quyết định đầu tư 1 tỷ USD vào Việt Nam để sản xuất chip bán dẫn tại khu công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh. Tương lai dòng đầu tư sẽ tăng rất mạnh bắt đầu từ năm 2008.

Sau gần 1 năm cố gắng và nỗ lực, đến ngày 31/5/2006, Việt Nam đã kết thúc phiên đàm phán song phương cuối cùng với Mỹ và đã ký một số thỏa thuận chính thức. Trong phiên đàm phán này Việt Nam đã cam kết mở cửa chính thức trên nhiều lĩnh vực quan trọng như cho phép thành lập chi nhánh bảo hiểm (phi nhân thọ), công ty chứng khoán nước ngoài tại Việt Nam cũng như thực hiện những cam kết cắt giảm thuế nhập

khẩu đối với sản phẩm công nghiệp, nông nghiệp và nhiều lĩnh vực khác.

Về lĩnh vực dịch vụ: Khi trở thành thành viên chính thức của WTO, các nhà cung cấp dịch vụ của Hoa Kỳ sẽ tiếp cận thị trường Việt Nam một cách dễ dàng hơn và được hưởng ưu đãi trên nhiều lĩnh vực như bảo hiểm, ngân hàng, chứng khoán, viễn thông, năng lượng, chuyển phát nhanh, xây dựng,... Ngoài ra Việt Nam cũng xem xét việc mở cửa thị trường nhiều hơn so với những gì đã thỏa thuận.

Về ngân hàng và chứng khoán: Tại thời điểm ký kết này Việt Nam cho phép các ngân hàng nước ngoài nắm giữ mức cổ phần tối đa là 49%, và ngân hàng nước ngoài được thành lập chi nhánh tại Việt Nam, các công ty chứng khoán được thành lập văn phòng đại diện, nhưng với Hoa Kỳ lại có những thỏa thuận đặc biệt. Kể từ 1/4/2007, các ngân hàng Mỹ và các ngân hàng khác được thành lập chi nhánh 100% vốn nước ngoài tại Việt Nam và sẽ được hưởng chế độ đối xử không phân biệt. Kể từ khi gia nhập WTO, các công ty chứng khoán nước ngoài có thể tham gia thành lập liên doanh với số cổ phần tối đa là 49% và sau 5 năm có thể là 100% số cổ phần.

Về bảo hiểm: Trước đây các công ty bảo hiểm nước ngoài chỉ được hoạt động tại Việt Nam dưới hình thức liên doanh, nhưng sau khi Việt Nam gia nhập WTO các công ty bảo hiểm này có thể thành lập chi nhánh 100% vốn nước ngoài và sau 5 năm Việt Nam gia nhập WTO, có thể tham gia hình thức bảo hiểm phi nhân thọ.

Về viễn thông: Việt Nam đã chấp nhận những quy định tham chiếu cơ bản về viễn thông của WTO, thiết lập một cơ quan giám sát độc lập và các quy chế bắt buộc nhằm phòng ngừa các hành vi hạn chế cạnh tranh giữa các nhà cung cấp chính trên thị trường.

Về năng lượng: Việt Nam đã đưa ra hàng loạt những cam kết mở cửa thị trường của mình theo từng giai đoạn. Đối với Mỹ, Việt Nam sẽ cho phép các công ty dịch vụ năng lượng Mỹ tham gia vào các dự án năng lượng liên quan đến khảo sát và phát triển dầu khí, tư vấn quản lý, phân tích và kiểm định kỹ thuật, sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị,... Sau khi gia nhập WTO, các công ty nước ngoài hoạt động trong lĩnh vực này được tham gia liên doanh với một công ty Việt Nam trong thời hạn 3 hoặc 5 năm tùy thuộc theo lĩnh vực hoạt động, sau đó sẽ được phép thành lập công ty 100% vốn nước ngoài.

Về dịch vụ vận tải: Việt Nam mở cửa thị trường trong lĩnh vực sửa chữa và bảo dưỡng máy bay, cho phép các công ty nước ngoài thành lập liên doanh với Việt Nam và sau 5 năm các nhà cung cấp nước ngoài có thể thành lập doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài.

Dịch vụ kinh doanh: Việt Nam mở cửa thị trường hơn nữa cho các lĩnh vực như tư vấn luật, kế toán, kiến trúc, quảng cáo... Trong các lĩnh vực này doanh nghiệp nước ngoài phần lớn được phép thành lập công ty 100% vốn nước ngoài. Về lĩnh vực khách sạn - nhà hàng, Việt Nam cam kết sẽ mở rộng hơn nữa vào lĩnh vực này đối với Mỹ, đồng thời tạo cơ hội cho các công ty quản lý khách sạn của Mỹ.

Sản phẩm nông nghiệp: Năm 2005, Mỹ xuất khẩu vào Việt Nam trên 192 triệu USD hàng nông nghiệp, chiếm 17% tổng kim ngạch xuất khẩu của Mỹ vào thị trường Việt Nam. Theo thỏa thuận song phương với Mỹ, Việt Nam cam kết giảm thuế và chấp nhận hệ thống kiểm tra tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm của Mỹ.

Hiện Việt Nam áp mức thuế trung bình lên các sản phẩm nông nghiệp của Mỹ là 27%, nhưng sau khi cam kết thì có các sản phẩm được hưởng mức thuế dưới 15% như bông, thịt bò, thịt lợn, nho tươi, lê, nho khô...

Sản phẩm công nghiệp: Theo cam kết, Việt Nam sẽ giảm thuế suất đáng kể đánh vào các sản phẩm công nghiệp chế tạo. Trên 94% các sản phẩm của Mỹ vào Việt Nam sẽ được hưởng mức thuế từ 15% trở xuống. Lộ trình giảm thuế trung bình đối với các sản phẩm công nghiệp và tiêu dùng là 2 năm và nhiều cắt giảm được cam kết thực hiện ngay lập tức.

Có thể thấy thành công của đàm phán song phương Việt - Mỹ là nhân tố quyết định đưa đến việc Việt Nam được chấp nhận gia nhập WTO. Và đến ngày 26/10/2006 Việt Nam đã hoàn tất đàm phán đa phương tốt đẹp với các nước.

Ngày 7/11/2006 tại Geneva Việt Nam đã chính thức trở thành thành viên thứ 150 của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO). Điều này đã mang lại cho Việt Nam nhiều bước tiến mới cũng như nhiều thách thức mới trên con đường hội nhập kinh tế quốc tế. Bên cạnh những cơ hội, Việt Nam cũng phải đứng trước những thách thức không nhỏ sau khi gia nhập WTO.

Thách thức đối với Việt Nam khi gia nhập WTO

Thách thức đối với Việt Nam khi gia nhập WTO sẽ là mức độ cạnh tranh khốc liệt, bởi việc gia nhập WTO cũng là quá trình đối mặt với sự cạnh tranh của một thị trường lớn gồm 150 thành viên. Việc gia nhập WTO cùng lúc với việc chúng ta phải thực hiện nhiều lộ trình hội nhập như AFTA, APEC, cũng là một thách thức đáng kể. Hiện ta đang đứng trước một thách thức “mở cửa bên ngoài tốt nhưng hội nhập bên trong kém”, sự phối hợp chính sách và lợi ích đã không đứng trên lợi ích tổng thể, toàn cục và dài hạn. Chưa đạt tới sự thống nhất trong nhận thức về hội nhập kinh tế nói chung, WTO nói riêng dẫn tới những hành động cầm chừng, các xử lý chính sách chưa hợp thông lệ. Bên cạnh đó, Việt Nam cần có sự điều

chính hơn nữa về nhiều mặt như cần phải có giải pháp hiệu quả về hệ thống thuế, việc giảm thuế nhập khẩu sẽ ảnh hưởng đến nguồn thu và quản lý ngân sách nhà nước. Ngoài ra Việt Nam mới chỉ bắt đầu bước chân vào hội nhập do vậy năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp còn yếu, năng lực cạnh tranh của một số ngành chủ chốt còn thấp. Vào WTO, mức thuế quan và các hàng rào phi thuế quan giảm mạnh trong thời gian ngắn, do vậy nếu Việt Nam không có những bước chuẩn bị trước sẽ dẫn đến việc xảy ra các vụ kiện bán phá giá đối với các ngành chủ chốt như da giày, dệt may, nông sản... Vì thế ngoài việc cải cách quản lý, nâng cao chất lượng sản phẩm, chúng ta cần chú trọng đến việc tìm biện pháp bảo vệ khi có kiện chống bán phá giá.

Những thách thức trên cũng dễ ảnh hưởng đến xã hội. Việc các công ty vừa và nhỏ bị phá sản sẽ làm tăng nguy cơ thất nghiệp.

Về vấn đề nông nghiệp, nông thôn và nông dân vốn đã rất phức tạp, khi gia nhập WTO có thể sẽ trở nên khó khăn hơn do sản xuất sẽ vấp phải các trở ngại về thị trường tiêu thụ, thất nghiệp gia tăng vì nông nghiệp không còn được bảo hộ trợ cấp. Người nông dân sẽ có nguy cơ tái nghèo nếu các biện pháp hỗ trợ phát triển hạ tầng và thể chế không hữu hiệu trong cuộc đối đầu với các áp lực của việc mở cửa thị trường nông nghiệp sau khi gia nhập WTO. Ngoài ra, khi kinh tế của từng địa phương gắn kết với kinh tế cả nước và toàn cầu thì các biến động giá cả, tác động chính sách, rào cản kỹ thuật, khiêu kiện thương mại trên thị trường quốc tế sẽ tác động trực tiếp đến người sản xuất kinh doanh nước ta trên quy mô rộng. Cần xây dựng những biện pháp phòng chống rủi ro, bình ổn và bảo vệ sản xuất, tiêu dùng đáng tin cậy phù hợp

với các cam kết quốc tế. Vấn đề đưa ra là cần có biện pháp để khai thác các lợi thế do hội nhập đem lại. Nhiều cơ hội mới sẽ xuất hiện như cơ hội thu hút đầu tư, tiếp thu công nghệ, kỹ năng quản lý. Chúng ta tạo điều kiện cạnh tranh để tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh của nông nghiệp Việt Nam.

Ngoài ra sau khi gia nhập WTO Việt Nam còn gặp nhiều thách thức trên các mặt khác nhau như thách thức về văn hóa, môi trường, về an ninh và chủ quyền quốc gia...

Trải qua hơn 10 năm bình thường hoá quan hệ, hơn 5 năm thực hiện Hiệp định thương mại song phương, và giờ đây khi đã là thành viên WTO, xét trên phương diện kinh tế, việc cải thiện quan hệ giữa Việt Nam và Hoa Kỳ đã đem lại lợi ích to lớn cho cả hai nước và là nhân tố cơ bản đưa đến việc xây dựng quan hệ hợp tác dựa trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, bình đẳng cùng có lợi ■

Tài liệu tham khảo:

1. Thuận lợi và thách thức của ngành nông nghiệp Việt Nam khi gia nhập WTO: Đặng Kim Sơn - Viện Chính sách và Chiến lược phát triển nông nghiệp, nông thôn.
2. Hậu WTO: Thận trọng với chống bán phá giá - Thời báo Kinh tế Việt Nam.
3. Tư liệu cơ bản về quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ - tháng 9/2004.
4. Việt Nam là thị trường hàng dệt may của Mỹ - Báo điện tử quốc tế.
5. Đàm phán WTO với Mỹ: Chương ngại cuối cùng - vneconomy 30/08/2005.
6. Đàm phán gia nhập WTO đang vào giai đoạn cuối - vneconomy 23/08/2005.
7. Nâng quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ lên tầm cao mới - Xuân Thủy - Báo Nhân dân.
8. Tiến trình gia nhập WTO của Việt Nam - Báo điện tử quốc tế.
9. Đàm phán WTO: Việt Nam vào chặng đường nước rút - vneconomy 22/03/2006.
10. Phối hợp doanh nghiệp đối phó kiện phá giá - vneconomy 06/04/2006
11. Bộ Thương mại Mỹ bắt đầu xem lại mức thuế tôm - vneconomy 04/04/2006.